

Số: *MA*/BC-SNN

Bắc Ninh, ngày *03* tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư

Dự án: Xây dựng tuyến kênh mới nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 04/06/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc thành lập hội đồng thẩm định chủ trương;

Căn cứ Văn bản số 1024/UBND-NN ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến kênh mới nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An.

Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến kênh mới nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Xây dựng tuyến kênh mới nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An
2. Dự án nhóm: Nhóm C.
3. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Bắc Ninh.
4. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh.
5. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: **8.000.000.000 đồng** (*Tám tỷ đồng./.*).
7. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác (nếu có).
8. Thời gian thực hiện: Năm 2020÷2021.
9. Các thông tin khác (nếu có): không.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư

1.1. Sự cần thiết đầu tư

Kênh tiêu phía Nam khu công nghiệp Yên Phong dài khoảng 3.000m có nhiệm vụ tiêu thoát nước cho 137,2ha thuộc khu công nghiệp Yên Phong. Điểm đầu tuyến kênh đầu nối vào kênh phía tây khu công nghiệp, điểm cuối tuyến kênh đầu nối với kênh tiêu Vạn An. Hướng tiêu thoát của tuyến kênh qua kênh tiêu Vạn An để chảy về trạm bơm Vạn An.

Đối với tuyến kênh Nam khu công nghiệp, đoạn đầu tuyến kênh (đoạn 1) có chiều dài khoảng 2.850m đã được cứng hóa 1 bên bằng tường đá đảm bảo mặt cắt tiêu thoát, đoạn cuối tuyến kênh (đoạn 2) có chiều dài khoảng 150m hiện nay bị xuống cấp, cụ thể như sau: Đoạn kênh số 2 là kênh đất chưa được cứng hóa, mặt cắt kênh nhỏ, cao trình công đầu kênh (qua đường giao thông) cao hơn so với đáy kênh thiết kế, dòng chảy từ trên kênh từ đoạn 1 chuyển sang đoạn 2 bị chuyển hướng vuông góc nên không thuận về thủy lực, vì vậy về lâu dài sẽ không đảm bảo khả năng tiêu thoát cho khu công nghiệp Yên Phong.

Để đảm bảo tiêu thoát cho khu công nghiệp Yên Phong, đồng thời thuận tiện cho quá trình quản lý, vận hành công trình thủy lợi thì việc đầu tư xây dựng tuyến kênh mới nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An là thực sự cần thiết.

1.2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư

1.2.1. Thuận lợi

- Khu vực xây dựng dự án có địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc không quá lớn điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức, triển khai mặt bằng thi công.

- Khu vực xây dựng dự án có hệ thống đường giao thông hoàn chỉnh, nằm gần trung tâm thị Trấn Chờ và khu dân cư vì vậy trong quá trình xây dựng việc tập kết, vận chuyển vật liệu, thiết bị thi công thuận lợi dễ dàng.

1.2.1. Khó khăn

Dự án nằm giáp với khu công nghiệp Yên Phong nên thường xuyên có lưu lượng người tham gia giao thông cao, nên ảnh hưởng đến quá trình thi công.

1.3. Đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư

Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 tại Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 04/6/2019.

ĐỐI CHIẾU VỚI QUY HOẠCH ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THÌ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN XÂY DỰNG TUYẾN KÊNH MỚI NỐI TỪ KÊNH NAM KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG ĐẾN KÊNH TIÊU VẠN AN LÀ HOÀN TOÀN PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THỦY LỢI VÀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CỦA TỈNH BẮC NINH.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư

2.1. Mục tiêu đầu tư

- Chủ động trong công tác tiêu thoát nước cho 137,2ha diện tích đất thuộc khu công nghiệp Yên Phong.

- Đảm bảo mỹ quan, cảnh quan khu vực, tạo sự kết nối giữa khu công nghiệp với khu dân cư nhằm khai thác, thúc đẩy phát triển dịch vụ góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.2. Quy mô đầu tư

- Ngầm hóa tuyến kênh bằng ống cống BTCT đúc sẵn với chiều dài khoảng 150m (điểm đầu cống đầu kênh (qua đường giao thông) điểm cuối tiêu ra kênh tiêu Vạn An).

- Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo Luật thủy lợi số 08/2017/QH14.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư

3.1. Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án: 8.000.000.000 đồng.

(Tám tỷ đồng./.)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	6.176.500.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	139.611.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	729.452.000	đồng
- Chi phí khác:	73.485.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	380.952.000	đồng
- Chi phí GPMB:	500.000.000	đồng

3.2. Phương án huy động vốn và khả năng cân đối vốn

Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác (nếu có).

3.3. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư

Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh: **8.000.000.000 đồng.**

4. Giải phóng mặt bằng

- Hội đồng GPMB huyện Yên Phong chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng.
- Diện tích thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng: Tổng diện tích tạm tính: 1.000 m².

5. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo

đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả

Tiến độ triển khai dự án Đầu tư xây dựng cứng hóa kênh và đường quản lý vận hành kênh tiêu bắc trạm bơm Phấn Động, huyện Yên Phong phải căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn, điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực khác để đảm bảo việc đầu tư được tập trung, có hiệu quả.

Dự kiến tiến độ triển khai hoàn thành khoảng 02 năm:

Năm	Nguồn vốn NSTW (1.000 đồng)	Nguồn vốn cấp tỉnh quản lý (1.000 đồng)	Nội dung xây dựng
Năm 2020	0	0	Chuẩn bị đầu tư
Năm 2021	0	8.000.000	Đền bù GPMB, xây dựng hoàn thành toàn bộ công trình
Tổng		8.000.000	

6. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện

Các chi phí liên quan trong quá trình thực hiện gồm chi phí giải phóng mặt bằng; chi phí rà phá bom mìn; Chi phí đánh giá tác động môi trường...

Sau khi dự án hoàn thành Chủ đầu tư sẽ tiến hành đầy đủ các thủ tục để bàn giao cho đơn vị quản lý đưa vào khai thác, sử dụng. Cụ thể trong dự án này đơn vị tiếp nhận để đưa vào vận hành là Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống.

Chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành bao gồm: Chi phí tiêu hao năng lượng điện; chi phí trả lương cho cán bộ quản lý, vận hành; chi phí duy tu bảo dưỡng công trình hàng năm... được Công ty rà soát lập đề xuất trình UBND tỉnh cấp kinh phí thực hiện.

7. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

7.1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội

7.1.1. Tác động về môi trường trong thời gian xây dựng.

a) Tác động về môi trường, xã hội trong thời gian xây dựng.

Các hoạt động trong quá trình xây dựng công trình sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực như: Công tác thi công bê tông, các công tác xây lát, vận chuyển phế thải ra bãi đổ, vận chuyển vật liệu xây dựng đến công trình, sinh hoạt của cán bộ, công nhân phục vụ thi công, các hoạt động khác...sẽ sinh ra các chất có khả năng gây ô nhiễm môi trường như sau:

+ Khí thải từ các phương tiện vận tải chở vật liệu xây dựng, các loại máy móc, thiết bị thi công như bụi, khí NOx, SOx, CO, hydrocacbon.

+ Bụi đất, cát sinh ra do các thiết bị vận chuyển và gió cuốn lên.

+ Tiếng ồn từ các loại phương tiện vận tải và các loại máy móc thi công.

+ Các loại chất thải rắn như các mảnh vật liệu xây dựng, giấy, bao bì và các loại rác thải sinh hoạt khác.

+ Ảnh hưởng đến giao thông trong khu vực, an ninh trật tự do của xe máy thi công, sự tập trung của cán bộ, công nhân trên công trường.

+ Các vấn đề về an toàn lao động, cháy nổ trong quá trình thi công.

Như vậy, các hoạt động trên sẽ tác động và làm ảnh hưởng đến môi trường nước, môi trường không khí và xã hội. Tuy nhiên các tác động này không lâu dài và có thể được giảm thiểu bằng các biện pháp của Nhà thầu trong quá trình thi công.

b) Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, xã hội.

- Có đầy đủ các phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu kỹ thuật để hạn chế ô nhiễm tiếng ồn, khi thải trong quá trình vận chuyển và xây dựng;

- Khi vận chuyển nguyên vật liệu, các loại phương tiện máy móc thiết bị nên tránh các giờ cao điểm để hạn chế ảnh hưởng đến giao thông đi lại trong khu vực, đồng thời các phương tiện cần thực hiện các quy định sau:

+ Các xe vận chuyển được kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng theo quy định;

+ Xe chuyên chở nguyên vật liệu phải được che đậy, chống rơi vãi dọc đường và vệ sinh sạch sẽ để tránh gây ô nhiễm bụi;

+ Quy định xe chở đúng tải trọng, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định khác có liên quan;

- Khi ký kết hợp đồng vận chuyển yêu cầu lái xe phải đảm bảo các điều kiện về kỹ thuật xe, trình độ lái xe cũng như các qui định khác của Nhà nước về vận chuyển.

- Đối với các chất thải rắn sinh ra trong quá trình xây dựng như gạch vỡ, sạn, sỏi rơi vãi, gỗ, nhựa, sắt thép và rác thải sinh hoạt, Chủ dự án sẽ yêu cầu nhà thầu xây dựng áp dụng các giải pháp xử lý như sau:

+ Giấy, nhựa, sắt thép sẽ được thu gom và tập trung tại nơi quy định để bán cho cơ sở khác tái sử dụng;

+ Các chất thải rắn vô cơ như gạch, bê tông phải được vận chuyển đến vị trí tập kết theo quy định;

+ Rác thải sinh hoạt tập trung thu gom và đổ đúng nơi quy định để xử lý.

+ Ngoài các biện pháp chính giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã nêu trên, cần kết hợp các biện pháp sau:

(1) Thông báo và tuyên truyền: Qua phương tiện thông tin đại chúng truyền thanh, truyền hình thông báo cho nhân dân trong vùng biết thời gian thi công, qui mô xây dựng và những vấn đề cần chú ý trong quá trình xây dựng dự án;

(2) Biển báo khu vực thi công: Tại khu vực thi công có thiết bị như máy xúc, ô tô vận chuyển, ... hoạt động liên tục 2 ca trong ngày cần phải có biển báo phản quang ở các đầu khu vực công trường thi công;

(3) Phòng cháy chữa cháy và các biện pháp giữ gìn ANTT xã hội:

+ Tổ chức thành lập đội bảo vệ gồm bảo vệ công trường; đảm nhận việc phòng cháy chữa cháy và giữ gìn ANTT trong khu vực thi công;

+ Quán triệt mọi cán bộ công nhân viên trên công trường và nội dung bảo vệ ANTT trong khu vực. Chuẩn bị sẵn các dụng cụ PCCC cho các đội sản xuất;

+ Các phương tiện máy móc, thiết bị phải tu sửa hoàn thiện mới được đưa vào thi công, tuyệt đối không được để rò rỉ xăng dầu;

+ Kho tàng vật tư công trường phải được bao che cẩn thận, kín đáo.

(4) Người lao động: Người điều khiển máy móc thiết bị phải vận hành thành thạo loại máy mà mình điều khiển; tuyệt đối không được làm bừa, làm ẩu, và tuyệt đối không được uống rượu, thức khuya, vì dễ gây tai nạn trong lúc làm việc. Phải có kiến thức đầy đủ về an toàn lao động.

(5) Trang thiết bị an toàn lao động: Trang bị phòng hộ lao động theo quy định của nhà nước phải được cấp phát đầy đủ đến tay người lao động, cán bộ phải thường xuyên đôn đốc mọi người phải sử dụng bảo hộ lao động để tránh những trường hợp đáng tiếc xảy ra.

(6) Công tác vệ sinh môi trường: Công trường thi công tập chung đông người, xe cộ, trong khi nguồn nước sinh hoạt chủ yếu lấy từ giếng khoan và nước mưa trong bể chứa. Vậy muốn làm tốt công tác vệ sinh môi trường cần làm tốt các việc sau:

- Giáo dục nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường;

- Nơi sinh hoạt của cán bộ công nhân viên:

+ Khu sinh hoạt của cán bộ, công nhân phải chọn nơi thoáng, mát, gọn gàng, lợi hướng gió, nhà ăn, nhà ở bố trí hợp lý;

+ Bố trí khu vệ sinh phù hợp, thường xuyên sạch sẽ, công trường phải có cán bộ y tế, thường xuyên quan tâm vệ sinh thực phẩm nhà ăn.

7.1.2. Tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường sau khi thực hiện dự án.

a) Các tác động tích cực.

Khi dự án hoàn thành sẽ mang lại nhiều lợi ích tích cực tới nhân dân trong vùng hưởng lợi, cụ thể:

- Dự án hoàn thành góp phần tiêu thoát nước kịp thời cho diện tích đất nông nghiệp, công nghiệp của khu vực đảm bảo cho người dân ổn định sản xuất, góp phần phát triển kinh tế và xây dựng nông thôn mới;

- Dự án hoàn thành kết nối giữa khu công nghiệp với khu dân cư nhằm khai thác, thúc đẩy phát triển dịch vụ góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Các tác động tiêu cực.

Ngoài các lợi ích mang lại của dự án như đã nêu trên, thì khi dự án hoàn thành cũng phát sinh một số các tác động tiêu cực, cụ thể:

- Tiếng ồn và khói bụi ảnh hưởng đến môi trường và nhân dân trong vùng trong thời gian thi công

7.2. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

- Việc đầu tư dự án Xây dựng tuyến kênh mới nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An góp phần tiêu thoát nước kịp thời cho 137,2ha diện tích đất thuộc khu công nghiệp Yên Phong.

- Cải thiện cảnh quan và môi trường vùng dự án.
- Nhân dân vùng hưởng lợi yên tâm phát triển sản xuất, ổn định đời sống, sinh hoạt.

Như vậy có thể thấy, nếu dự án được đầu tư xây dựng sẽ mang lại hiệu quả cả về kinh tế và xã hội. Tiêu thoát nước kịp thời cho diện tích đất thuộc khu công nghiệp Yên Phong. Góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng hưởng lợi nói riêng và huyện Yên Phong nói chung. Góp phần đẩy nhanh tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh và đẩy nhanh phát triển công nghiệp hóa. Đây cũng là vấn đề mà các cấp, các ngành của tỉnh Bắc Ninh hết sức quan tâm.

8. Tổ chức thực hiện

- Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh.

- Quản lý dự án: Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh.

- Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định dự án.

- Công tác đền bù GPMB do Hội đồng GPMB huyện Yên Phong thực hiện.

Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Ninh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng tuyến kênh mới nối từ kênh Nam khu công nghiệp Yên Phong đến kênh tiêu Vạn An./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư cấp tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Ban QLDA;
- Lưu VP.

GIÁM ĐỐC



Đặng Trần Trung

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ

DỰ ÁN: XÂY DỰNG TUYẾN KINH MÓI NÓI TỪ KINH NAM KHU CÔNG NGHIỆP HUYỆN YÊN PHONG ĐẾN KINH TIÊU VẠN AN

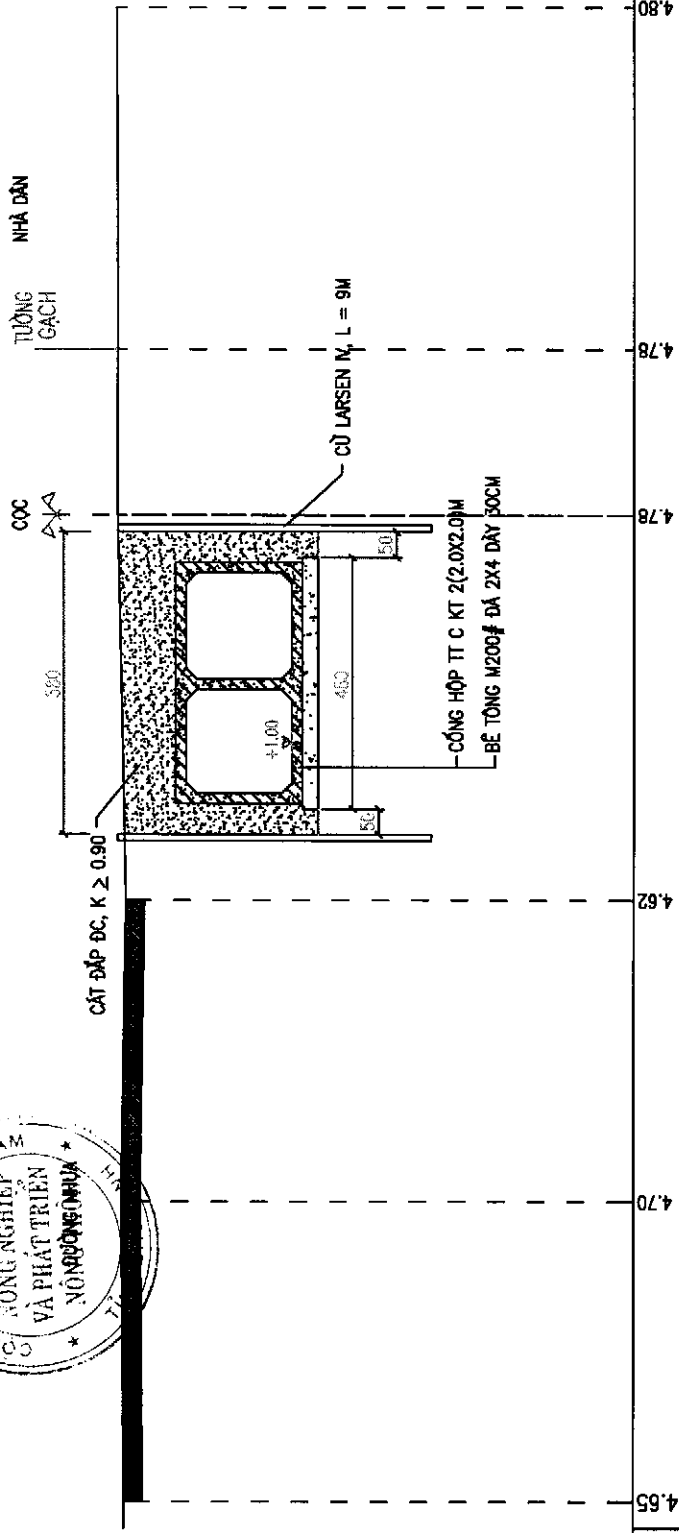
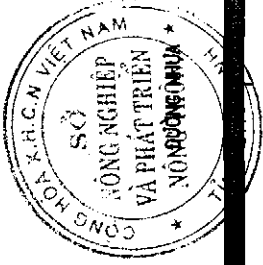
Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gcpxd				5.615.000.000	561.500.000	6.176.500.000
2	Chi phí quản lý dự án(QĐ79/2017/QĐ-BXD)	Gqlda	3,108 %	0,8	$3,108\% * Gcpxd$	139.611.360		139.611.360
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv			Gtv1 : Gtv7	663.137.860	66.313.786	729.451.646
3.1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	Gtv1			Tam tính	229.128.455	22.912.845	252.041.300
3.2	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng(QĐ79/2017/QĐ-BXD)	Gtv2	4,072 %		$4,072\% * Gks$	9.330.111	933.011	10.263.122
3.3	Chi phí lập chủ trương đầu tư	Gtv7	0,566 %	0,15	$0,566\% * Gxl * 0,15 * 1,1$	4.767.135	476.713,5	5.243.848,5
3.4	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật(QĐ79/2017/QĐ-BXD)	Gtv3	4,073 %		$4,073\% * Gcpxd$	228.698.950	22.869.895	251.568.845
3.5	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần thiết kế(QĐ79/2017/QĐ-BXD)	Gtv4	0,189 %	1,2	$0,189\% * Gcpxd$	12.734.820	1.273.482	14.008.302
3.6	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, phần dự toán(QĐ79/2017/QĐ-BXD)	Gtv5	0,183 %	1,2	$0,183\% * Gcpxd$	12.330.540	1.233.054	13.563.594
3.7	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng(QĐ79/2017/QĐ-BXD)	Gtv6	0,361 %		$0,361\% * Gcpxd$	20.270.150	2.027.015	22.297.165
3.8	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv29			$0,02\% * Gcpxd$		0	0
3.9	Chi phí giám sát thi công xây dựng(QĐ79/2017/QĐ-BXD)	Gtv7	2,598 %		$2,598\% * Gcpxd$	145.877.700	14.587.770	160.465.470
4	Chi phí đền bù GPMB	ĐB				500.000.000	0	500.000.000
5	Chi phí khác	Gk			Gk1 : Gk5	73.484.532	0	73.484.532
5.1	Chi phí thẩm định BCKTKT(Thông tư 209/2016/TT-BTC)	Gk2	0,019 %		$0,019\% * Gtmdt$	1.519.576		1.519.576
5.2	Chi phí thẩm định chủ trương đầu tư		0,566 %	0,15	$0,566\% * Gxl * 0,15 * 1,1$	4.767.135		4.767.135

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
5.3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv7	0,05 %		$0,05\% * G_{cpxd}$	2.807.500		2.807.500
5.4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv8	0,05 %		$0,05\% * G_{cpxd}$	2.807.500		2.807.500
5.5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán(TT 64/2018)	Gk3	0,77 %		$0,77\% * G_{tmđt}$	61.582.821		61.582.821
6	Chi phí dự phòng	Gdp	5, %		$5\% * (G_{cpxd} + G_{qlđa} + G_{tv} + G_k)$	380.952.377		380.952.377
	TỔNG CỘNG					7.372.186.130	627.813.786	7.999.999.916
	LÀM TRON	Gtmdt						8.000.000.000



CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH



CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	4.65	4.70	4.82	4.78	4.78	4.80
KHOẢNG CÁCH MIA		5.75	5.75	7.38	3.19	6.56
CAO ĐỘ THIẾT KẾ						
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ						

MẶT BẰNG TUYẾN KÊNH

